

Số: 155/2015/TT-BTC

Hà Nội, ngày 06 tháng 10 năm 2015

**THÔNG TƯ**

**Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán**

*Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 06 năm 2006;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán;*

*Căn cứ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán;*

*Căn cứ Nghị định số 42/2015/NĐ-CP ngày 5 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh;*

*Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;*

*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này quy định về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

## 2. Đối tượng áp dụng:

a) Công ty đại chúng, tổ chức phát hành trái phiếu (ngoại trừ tổ chức phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương);

b) Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam, quỹ đại chúng;

c) Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (sau đây viết tắt là Trung tâm lưu ký chứng khoán);

d) Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin theo quy định pháp luật;

đ) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan khác.

## **Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Công ty đại chúng* là công ty cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Luật Chứng khoán.

2. *Công ty đại chúng quy mô lớn* là công ty đại chúng có vốn góp của chủ sở hữu từ 120 tỷ đồng trở lên tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán.

3. *Quỹ đại chúng* là quỹ đóng, quỹ mở, bao gồm cả quỹ hoán đổi danh mục và công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.

4. *Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin* bao gồm:

a) Nhà đầu tư là người nội bộ của công ty đại chúng, người nội bộ của quỹ đại chúng và người có liên quan của người nội bộ;

b) Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của công ty đại chúng; nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng; cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng của công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng; thành viên sáng lập của quỹ đại chúng;

c) Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư có liên quan mua vào để trở thành cổ đông lớn của công ty đại chúng, sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng;

d) Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của công ty đại chúng.

5. *Người nội bộ của công ty đại chúng* là:

a) Thành viên Hội đồng quản trị;

b) Thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm toán nội bộ;

c) Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng giám

độc hoặc các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của công ty theo quy định tại Điều lệ công ty;

d) Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng, Trưởng phòng tài chính kế toán, người phụ trách kế toán;

đ) Người đại diện theo pháp luật, người được ủy quyền công bố thông tin.

6. *Người nội bộ của quỹ đại chúng là:*

a) Thành viên Ban đại diện quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng, thành viên Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

b) Thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty; thành viên Ban Kiểm soát (nếu có), thành viên bộ phận kiểm toán nội bộ (nếu có); thành viên Ban điều hành của công ty quản lý quỹ;

c) Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng, Trưởng phòng tài chính kế toán, người phụ trách kế toán của công ty quản lý quỹ; người điều hành quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

d) Người đại diện theo pháp luật, người được ủy quyền công bố thông tin.

7. *Ngày công bố thông tin* là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này.

8. *Ngày báo cáo về việc công bố thông tin* là ngày gửi fax, gửi dữ liệu điện tử qua email, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán hoặc ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nhận được văn bản báo cáo về việc công bố thông tin tùy theo thời điểm nào đến trước.

9. *Số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết* của công ty đại chúng là số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty đã phát hành trừ đi số cổ phiếu có quyền biểu quyết được công ty đại chúng mua lại làm cổ phiếu quỹ.

10. *Tổ chức đăng ký giao dịch* là tổ chức có chứng khoán đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom của Sở giao dịch chứng khoán.

11. *Tổ chức niêm yết* là tổ chức có cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán.

12. *Tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán* là tổ chức kiểm toán được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận thực hiện kiểm toán, soát xét báo cáo tài chính, các thông tin tài chính và các báo cáo khác của các đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư 183/2013/TT-BTC về kiểm toán độc lập đối với đơn vị có lợi ích công chúng.

13. *Tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có*

*lợi ích công chúng* là tổ chức kiểm toán được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận thực hiện kiểm toán, soát xét báo cáo tài chính, các thông tin tài chính và các báo cáo khác của các đơn vị có lợi ích công chúng theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư 183/2013/TT-BTC về kiểm toán độc lập đối với đơn vị có lợi ích công chúng.

14. Ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán được xác định như sau:

a) Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán;

b) Là ngày kết thúc việc chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán.

### **Điều 3. Nguyên tắc công bố thông tin**

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật và bảo đảm:

a) Đối tượng công bố thông tin phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó;

b) Trường hợp có sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán, đối tượng công bố thông tin phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận biết được về sự kiện, thông tin đó hoặc theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán;

c) Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm số Thẻ căn cước công dân, số Chứng minh nhân dân hoặc số Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, email, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng chỉ được thực hiện nếu chủ thể liên quan đồng ý.

2. Các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư này khi công bố thông tin phải đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi chứng khoán đó niêm yết, đăng ký giao dịch về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại điểm c khoản 1 Điều này và các đối tượng công bố thông tin không muốn công khai các thông tin này thì phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản báo cáo về việc công bố thông tin bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản báo cáo không bao gồm thông tin cá nhân để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi chứng khoán đó niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện công bố thông tin.

3. Các đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ

thông tin đã báo cáo, công bố theo quy định sau:

a) Các thông tin công bố định kỳ phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm;

b) Các thông tin công bố bất thường hoặc theo yêu cầu phải lưu giữ trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin trong tối thiểu 05 năm.

4. Ngôn ngữ thông tin công bố trên thị trường chứng khoán là tiếng Việt. Việc công bố thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh được áp dụng đối với Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm lưu ký chứng khoán theo quy định của Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm lưu ký chứng khoán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận. Các đối tượng khác được khuyến khích công bố thông tin bằng tiếng Anh theo hướng dẫn tại Quy chế của Sở giao dịch chứng khoán, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Trường hợp công bố thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung thông tin công bố bằng tiếng Anh chỉ có tính tham khảo.

#### **Điều 4. Người thực hiện công bố thông tin**

1. Các đối tượng công bố thông tin là tổ chức phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin thông qua 01 người đại diện theo pháp luật hoặc 01 cá nhân là người được ủy quyền công bố thông tin của tổ chức đó.

a) Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin;

b) Tổ chức phải đăng ký, đăng ký lại người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin theo Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này cùng với Bản cung cấp thông tin của người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư này cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán tối thiểu 24 giờ trước khi việc ủy quyền có hiệu lực.

2. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin là cá nhân có thể tự thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin hoặc ủy quyền cho 01 tổ chức (công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, công ty đại chúng, thành viên lưu ký, Trung tâm lưu ký chứng khoán hoặc tổ chức khác) hoặc 01 cá nhân khác thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như sau:

a) Trường hợp tự thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin, trong lần công bố thông tin đầu tiên, nhà đầu tư cá nhân phải nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Bản cung cấp thông tin theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư này và có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời

và đầy đủ thông tin khi có sự thay đổi các nội dung trong Bản cung cấp thông tin nêu trên;

b) Trường hợp ủy quyền công bố thông tin, nhà đầu tư cá nhân phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Nhà đầu tư có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin về tình trạng sở hữu chứng khoán của mình và mối quan hệ với người có liên quan (nếu có) cho tổ chức hoặc cá nhân được ủy quyền công bố thông tin để những người này thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin theo quy định pháp luật;

Nhà đầu tư cá nhân đăng ký, đăng ký lại người được ủy quyền công bố thông tin theo Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này cùng Bản cung cấp thông tin của nhà đầu tư cá nhân đó và của người được ủy quyền công bố thông tin theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư này (trường hợp người được ủy quyền công bố thông tin là cá nhân) cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán tối thiểu 24 giờ trước khi việc ủy quyền có hiệu lực.

3. Nhà đầu tư nước ngoài thực hiện nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin theo quy định của Thông tư này và pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

4. Việc công bố thông tin của quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ thực hiện.

#### **Điều 5. Phương tiện công bố thông tin**

1. Các phương tiện công bố thông tin bao gồm:

a) Trang thông tin điện tử (website) của tổ chức là đối tượng công bố thông tin;

b) Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

c) Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán;

d) Trang thông tin điện tử của Trung tâm lưu ký chứng khoán;

đ) Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử...).

2. Tổ chức là đối tượng công bố thông tin phải lập trang thông tin điện tử theo quy định sau:

a) Công ty đại chúng phải lập trang thông tin điện tử trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày trở thành công ty đại chúng. Tổ chức phát hành trái phiếu ra công chúng phải lập trang thông tin điện tử trước khi thực hiện chào bán trái phiếu ra công chúng. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ phải lập trang thông tin điện tử khi chính thức hoạt động. Tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch phải lập trang thông tin điện tử khi thực hiện thủ tục đăng ký niêm yết, đăng ký

giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán;

b) Các tổ chức khi lập trang thông tin điện tử phải báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này;

c) Trang thông tin điện tử phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này; chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ công ty, Quy chế quản trị nội bộ (nếu có), Bản cáo bạch (nếu có) và các thông tin công bố định kỳ, bất thường và theo yêu cầu quy định tại Thông tư này;

d) Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.

3. Công ty đại chúng, tổ chức phát hành, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ phải thực hiện công bố thông tin trên các phương tiện quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều này.

4. Tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch; công ty chứng khoán thành viên; quỹ đại chúng niêm yết, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng thực hiện công bố thông tin trên các phương tiện quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều này.

5. Sở giao dịch chứng khoán thực hiện công bố thông tin trên phương tiện quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

6. Trung tâm lưu ký chứng khoán thực hiện công bố thông tin trên phương tiện quy định tại điểm d khoản 1 Điều này.

7. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, đối tượng nêu tại khoản 3 và 4 Điều này thực hiện công bố thông tin trên phương tiện quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật sau khi ngày nghỉ, ngày lễ kết thúc.

8. Việc công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán thực hiện theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán.

## **Điều 6. Tạm hoãn công bố thông tin**

1. Đối tượng công bố thông tin được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn,...). Đối tượng công bố thông tin phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch

chứng khoán về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin, đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.

2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

### **Điều 7. Xử lý vi phạm về công bố thông tin**

Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định pháp luật về công bố thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định pháp luật.

## **Chương II**

### **CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG**

#### **Điều 8. Công bố thông tin định kỳ**

1. Công ty đại chúng phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng theo nguyên tắc sau:

a) Báo cáo tài chính phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;

Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ của một tổ chức khác, công ty đại chúng phải công bố 02 báo cáo: báo cáo tài chính năm của riêng đơn vị mình và báo cáo tài chính năm hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;

Trường hợp công ty đại chúng là doanh nghiệp cấp trên có các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân thì phải công bố báo cáo tài chính năm của riêng đơn vị mình và báo cáo tài chính năm tổng hợp theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;

b) Toàn văn báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phải được công bố đầy đủ, kể cả báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó. Trường hợp kiểm toán không chấp nhận toàn phần báo cáo tài chính, công ty đại chúng phải công bố báo cáo tài chính năm, báo cáo kiểm toán kèm theo văn bản giải trình của công ty;

c) Thời hạn công bố báo cáo tài chính năm:

Công ty đại chúng phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính;

Trường hợp công ty đại chúng không thể hoàn thành việc công bố báo cáo tài chính năm trong thời hạn nêu trên do phải lập báo cáo tài chính năm hợp nhất



hoặc báo cáo tài chính năm tổng hợp; hoặc do các công ty con, công ty liên kết của công ty đại chúng cũng phải lập báo cáo tài chính năm có kiểm toán, báo cáo tài chính năm hợp nhất hoặc báo cáo tài chính năm tổng hợp thì Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét gia hạn thời gian công bố báo cáo tài chính năm khi có yêu cầu bằng văn bản của công ty, nhưng tối đa không quá 100 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật liên quan.

2. Công ty đại chúng phải lập báo cáo thường niên theo Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư này và công bố báo cáo này chậm nhất là 20 ngày sau ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 120 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm được kiểm toán.

### 3. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

a) Chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, công ty đại chúng phải công bố trên trang thông tin điện tử của công ty và của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trường hợp là tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch) về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, bao gồm: thông báo mời họp, mẫu chỉ định đại diện theo uỷ quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Hội đồng quản trị; các tài liệu tham khảo làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông;

b) Trường hợp không tổ chức thành công cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất, công ty đại chúng phải công bố về chương trình và thời điểm dự kiến tổ chức các cuộc họp kế tiếp, tiếp tục duy trì việc đăng tải và cho phép cổ đông tải tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản này cho tới khi tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông. Thời điểm tổ chức các cuộc họp kế tiếp thực hiện theo quy định pháp luật về doanh nghiệp;

c) Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên phải được công bố theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Thông tư này.

### 4. Công bố thông tin về hoạt động chào bán và báo cáo sử dụng vốn

a) Công ty đại chúng thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật về chào bán chứng khoán;

b) Trường hợp huy động vốn để thực hiện dự án đầu tư, định kỳ 06 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cho đến khi hoàn thành dự án; hoặc cho đến

khi đã giải ngân hết số tiền huy động được, công ty đại chúng phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin về tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán. Trường hợp thay đổi các nội dung tại phương án sử dụng vốn, mục đích sử dụng vốn, trong vòng 10 ngày kể từ khi ra quyết định thay đổi các nội dung này, tổ chức phát hành phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin nội dung thay đổi trên trang thông tin điện tử của tổ chức phát hành. Mọi thay đổi phải được báo cáo lại tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Tổ chức phát hành phải công bố báo cáo sử dụng vốn được kiểm toán xác nhận tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp công ty đại chúng chào bán cổ phiếu để hoán đổi các khoản nợ hoặc hoán đổi cổ phần, phần vốn góp.

#### 5. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Công ty đại chúng phải công bố thông tin về giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài của công ty mình và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử của công ty, của Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

### **Điều 9. Công bố thông tin bất thường**

1. Công ty đại chúng phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a) Tài khoản của công ty tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa, ngoại trừ trường hợp phong tỏa theo yêu cầu của chính công ty;

b) Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; bổ sung hoặc rút bớt một hoặc một số ngành nghề đầu tư, kinh doanh; bị đình chỉ hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động; thay đổi thông tin trong Bản cáo bạch sau khi đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán;

c) Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản)). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;

d) Quyết định mua hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phiếu của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phiếu hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán chứng khoán theo quy định pháp luật về doanh nghiệp;

đ) Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;

e) Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp), giải thể doanh nghiệp; thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;

g) Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); doanh nghiệp kiểm toán từ chối kiểm toán báo cáo tài chính của công ty; kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính (nếu có); ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên đối với báo cáo tài chính;

h) Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết; đóng, mở chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện;

i) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ hoặc người có liên quan;

k) Quyết định phát hành trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi;

l) Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:

Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phiếu, tính từ thời điểm công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả phát hành theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;

Trường hợp công ty giao dịch cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định pháp luật về giao dịch cổ phiếu quỹ;

Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn của người lao động trong công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ của công ty thông qua công ty chứng khoán; công ty chứng khoán mua cổ phiếu của chính mình theo yêu cầu của khách hàng hoặc để sửa lỗi giao dịch, công ty công bố thông tin trong vòng 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin.

m) Khi nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động của công ty được sửa đổi, bổ sung;

n) Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin về việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ, công ty gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi công ty niêm yết, đăng ký giao dịch Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới (nếu có) theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư này;

o) Khi nhận được quyết định khởi tố, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty;

p) Khi nhận được bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty; kết luận của cơ quan thuế về việc công ty vi phạm pháp luật về thuế;

q) Quyết định vay hoặc phát hành trái phiếu dẫn đến tổng giá trị các khoản vay của công ty có giá trị từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét.

Trường hợp tổng giá trị các khoản vay của công ty đạt từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét, công ty công bố thông tin về các quyết định vay thêm hoặc phát hành thêm trái phiếu có giá trị từ 10% vốn chủ sở hữu trở lên theo báo cáo tài chính năm gần nhất đã kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét;

r) Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;

s) Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty.

2. Công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

a) Việc công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư này;

b) Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, công ty đại chúng phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.

3. Khi công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này, công ty đại chúng phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

4. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện

quyền cho cổ đông hiện hữu.

Công ty đại chúng báo cáo và nộp đầy đủ các tài liệu là căn cứ pháp lý liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu cho Trung tâm lưu ký chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán (trường hợp là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch), báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đồng thời công bố thông tin chậm nhất 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

5. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác như sau:

a) Sau khi thay đổi kỳ kế toán, công ty đại chúng công bố báo cáo tài chính khi thay đổi kỳ kế toán đã được kiểm toán theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán;

b) Sau khi hoàn tất việc chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp, công ty đại chúng công bố báo cáo tài chính sau khi chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán;

c) Sau khi chia, tách, sáp nhập, công ty đại chúng là doanh nghiệp bị chia, bị tách hoặc bị sáp nhập công bố Báo cáo tài chính khi chia tách, sáp nhập doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật kế toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán.

#### **Điều 10. Công bố thông tin theo yêu cầu**

1. Trong các trường hợp sau đây, công ty đại chúng phải công bố thông tin trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi công ty niêm yết, đăng ký giao dịch:

a) Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;

b) Có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.

2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

### **Chương III**

## **CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT, CÔNG TY ĐẠI CHỨNG QUY MÔ LỚN**

**Điều 11. Công bố thông tin định kỳ**

1. Tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán và công bố các nội dung khác theo quy định tại Điều 8 Thông tư này.

2. Tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán.

a) Báo cáo tài chính bán niên phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, trình bày số liệu tài chính trong 06 tháng đầu năm tài chính của công ty, được lập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Thông tư này. Báo cáo tài chính bán niên phải được soát xét theo Chuẩn mực về công tác soát xét báo cáo tài chính. Toàn văn báo cáo tài chính bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo ý kiến kiểm toán và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp báo cáo tài chính bán niên được soát xét có kết luận của kiểm toán viên là không đạt yêu cầu;

b) Thời hạn công bố báo cáo tài chính bán niên:

Tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.

Trường hợp tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn không thể hoàn thành việc công bố báo cáo tài chính bán niên trong thời hạn nêu trên do phải lập báo cáo tài chính bán niên hợp nhất hoặc báo cáo tài chính bán niên tổng hợp; hoặc do các công ty con, công ty liên kết của tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn cũng phải lập báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét, báo cáo tài chính bán niên hợp nhất, báo cáo tài chính bán niên tổng hợp thì Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét gia hạn thời gian công bố báo cáo tài chính bán niên khi có yêu cầu bằng văn bản của công ty, nhưng tối đa không quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật liên quan.

3. Tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn phải công bố báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có).

a) Báo cáo tài chính quý phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, được lập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Thông tư này. Toàn văn báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có) phải được công bố đầy đủ, kèm theo ý kiến kiểm toán và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp báo cáo tài chính quý được soát xét (nếu có) có kết luận của kiểm toán viên là không đạt yêu cầu;

b) Thời hạn công bố báo cáo tài chính quý:

Tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn phải công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý. Tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn công bố báo cáo tài chính quý được soát xét (nếu có) trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét.

Trường hợp tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn không thể hoàn thành việc công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn nêu trên do phải lập báo cáo tài chính quý hợp nhất hoặc báo cáo tài chính quý tổng hợp; hoặc do các công ty con, công ty liên kết của tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn cũng phải lập báo cáo tài chính quý hợp nhất, báo cáo tài chính quý tổng hợp thì Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét gia hạn thời gian công bố báo cáo tài chính quý khi có yêu cầu bằng văn bản của công ty, nhưng tối đa không quá 30 ngày, kể từ ngày kết thúc quý bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật liên quan.

4. Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều này, tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;

b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;

c) Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế từ đầu năm tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo tài chính quý 2 đã công bố so với báo cáo tài chính bán niên được soát xét; hoặc tại báo cáo tài chính quý 4 đã công bố so với báo cáo tài chính năm được kiểm toán có sự chênh lệch từ 5% trở lên; hoặc chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại;

d) Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên.

5. Trường hợp tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn có công ty con, công ty liên kết hoặc có các đơn vị kế toán trực thuộc thì phải giải trình nguyên nhân phát sinh các sự kiện quy định tại khoản 4 Điều này trên cả cơ sở báo cáo tài chính của bản thân công ty đó và báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính tổng hợp.

6. Định kỳ 06 tháng và năm, tổ chức niêm yết phải công bố thông tin về báo cáo tình hình quản trị công ty theo Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư này. Thời hạn công bố thông tin Báo cáo tình hình quản trị công ty chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo.

## **Điều 12. Công bố thông tin bất thường**

Tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn phải công bố thông tin bất

thường trong vòng 24 giờ trong các trường hợp quy định tại Điều 9 Thông tư này và khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

1. Vốn góp của chủ sở hữu bị giảm từ 10% trở lên hoặc tổng tài sản bị giảm từ 10% trở lên tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét.

2. Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ; quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét; quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn); quyết định mua, bán tài sản có giá trị từ 15% trở lên trên tổng tài sản của công ty tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét.

3. Được chấp thuận hoặc bị hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.

### **Điều 13. Công bố thông tin theo yêu cầu**

Tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn công bố thông tin theo yêu cầu quy định tại Điều 10 Thông tư này.

### **Điều 14. Thời điểm bắt đầu thực hiện và chấm dứt việc công bố thông tin của công ty đại chúng quy mô lớn**

1. Công ty đại chúng thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của công ty đại chúng quy mô lớn theo quy định tại Thông tư này kể từ thời điểm có tên trong danh sách công ty đại chúng quy mô lớn do Trung tâm lưu ký chứng khoán công bố.

2. Trong vòng 01 năm kể từ ngày không còn là công ty đại chúng quy mô lớn theo danh sách do Trung tâm lưu ký chứng khoán công bố, công ty tiếp tục thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như công ty đại chúng quy mô lớn theo quy định tại Thông tư này.

## **Chương IV**

### **CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP RA CÔNG CHÚNG**

### **Điều 15. Công bố thông tin của tổ chức niêm yết trái phiếu doanh nghiệp**

1. Tổ chức niêm yết trái phiếu doanh nghiệp là công ty đại chúng thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Điều 11, Điều 12 và Điều 13 Thông tư này.



2. Tổ chức niêm yết trái phiếu doanh nghiệp không thuộc đối tượng nêu tại khoản 1 Điều này thực hiện công bố thông tin như sau:

a) Công bố các báo cáo tài chính năm và báo cáo thường niên theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 8 Thông tư này;

b) Công bố thông tin bất thường theo quy định tại Điều 12 Thông tư này, (Hội đồng quản trị được đổi thành Hội đồng thành viên nếu là công ty trách nhiệm hữu hạn);

c) Công bố thông tin theo yêu cầu theo quy định tại Điều 10 Thông tư này.

### **Điều 16. Công bố thông tin của tổ chức phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng**

1. Tổ chức phát hành trái phiếu ra công chúng thực hiện công bố thông tin về việc chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng theo quy định pháp luật về chào bán trái phiếu ra công chúng.

2. Tổ chức phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin kể từ khi kết thúc đợt chào bán trái phiếu ra công chúng cho đến khi hoàn tất thanh toán trái phiếu, cụ thể như sau:

a) Công bố thông tin định kỳ về báo cáo tài chính năm, báo cáo thường niên theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 8 Thông tư này.

Trường hợp chào bán trái phiếu ra công chúng để huy động vốn cho các dự án đầu tư cụ thể đã xác định, định kỳ 06 tháng kể từ tháng có ngày kết thúc đợt chào bán cho đến khi hoàn thành dự án hoặc khi đã giải ngân hết số tiền đã huy động, tổ chức phát hành phải công bố thông tin về tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo (định kỳ 06 tháng). Tổ chức phát hành phải công bố báo cáo sử dụng vốn được kiểm toán xác nhận tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận;

b) Công bố thông tin bất thường theo quy định tại điểm a, b, e, h và r khoản 1 Điều 9 Thông tư này và phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân, giải pháp khắc phục (nếu có).

Trường hợp có sự thay đổi mục đích sử dụng vốn so với nội dung đã nêu tại bản cáo bạch, tổ chức phát hành phải công bố thông tin về lý do và quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông (đối với công ty cổ phần) hoặc Quyết định của Hội đồng thành viên hoặc Chủ sở hữu công ty (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn) về sự thay đổi đó trong vòng 24 giờ, kể từ khi có quyết định về việc thay đổi mục đích sử dụng vốn;

c) Trường hợp phát hành trái phiếu chuyển đổi không bắt buộc, tổ chức phát hành phải gửi thư thông báo tới từng trái chủ và thực hiện công bố thông tin về thời gian, tỷ lệ, giá, địa điểm đăng ký chuyển đổi chậm nhất 01 tháng trước ngày

chuyển đổi trái phiếu;

d) Công bố thông tin theo yêu cầu theo quy định tại Điều 10 Thông tư này.

## **Chương V**

### **CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN, CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ, CHI NHÁNH CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM**

#### **Điều 17. Công bố thông tin định kỳ**

1. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, chi nhánh của công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam thực hiện công bố thông tin định kỳ theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 11 Thông tư này (trường hợp công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ là công ty trách nhiệm hữu hạn thì họp Đại hội đồng cổ đông được đổi thành họp Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị được đổi thành Hội đồng thành viên).

2. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, chi nhánh của công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam phải công bố báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/6 đã được soát xét và tại ngày 31/12 đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán cùng thời điểm với việc công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét và báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.

#### **Điều 18. Công bố thông tin bất thường**

1. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ là công ty cổ phần, chi nhánh của công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện theo quy định tại Điều 12 Thông tư này và trong các trường hợp sau:

a) Khi nhận được quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán đối với công ty, người hành nghề chứng khoán của công ty; khi Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Giám đốc của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ bị thu hồi chứng chỉ hành nghề chứng khoán;

b) Khi nhận được quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc đặt công ty vào diện kiểm soát, kiểm soát đặc biệt hoặc đưa ra khỏi diện kiểm soát, kiểm soát đặc biệt; đình chỉ hoạt động, tạm ngừng hoạt động hoặc chấm dứt tình trạng đình chỉ hoạt động, tạm ngừng hoạt động;

c) Các giao dịch chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp để trở thành cổ đông, thành viên góp vốn nắm giữ từ 10% trở lên vốn điều lệ đã góp của công ty chứng khoán không phải là công ty đại chúng; các giao dịch làm thay đổi quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp chiếm từ 10% trở lên vốn điều lệ hoặc giao

dịch dẫn tới tỷ lệ sở hữu của cổ đông, thành viên góp vốn vượt qua hoặc xuống dưới các mức sở hữu 10%, 25%, 50%, 75% vốn điều lệ của công ty quản lý quỹ không phải là công ty đại chúng;

d) Khi nhận được quyết định chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đồng, thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh, phòng giao dịch ở trong nước hoặc nước ngoài.

2. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ là công ty trách nhiệm hữu hạn phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện theo quy định tại điểm a, b, c, e, g, h, m, n, o, p, q, r, s khoản 1 Điều 9, khoản 1, 2, 3 Điều 12 Thông tư này và điểm a, b, c, d khoản 1 Điều này (họp Đại hội đồng cổ đông được đổi thành họp Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị được đổi thành Hội đồng thành viên).

3. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, chi nhánh của công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam khi công bố thông tin theo quy định tại khoản 1, 2 Điều này phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

### **Điều 19. Công bố thông tin theo yêu cầu**

1. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, chi nhánh của công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam phải công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán khi có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.

2. Nội dung thông tin công bố quy định tại khoản 1 Điều này phải nêu rõ sự kiện được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán yêu cầu công bố; nguyên nhân, mức độ xác thực của sự kiện đó và giải pháp khắc phục (nếu có).

### **Điều 20. Công bố thông tin khác của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, chi nhánh của công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam**

1. Công ty chứng khoán phải thông báo tại trụ sở chính, các chi nhánh, phòng giao dịch các nội dung liên quan đến phương thức giao dịch, đặt lệnh, ký quỹ giao dịch, thời gian thanh toán, phí giao dịch, các dịch vụ cung cấp và danh sách những người hành nghề chứng khoán của công ty. Trường hợp cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ, công ty chứng khoán phải thông báo các điều kiện cung cấp dịch vụ, bao gồm yêu cầu về tỷ lệ ký quỹ, lãi suất vay, thời hạn vay, phương thức thực hiện lệnh gọi ký quỹ bổ sung, danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ.

2. Trước khi thực hiện lệnh bán giải chấp chứng khoán ký quỹ hoặc bán chứng khoán cầm cố, công ty chứng khoán phải thông báo cho khách hàng về việc bán giải chấp chứng khoán hoặc bán chứng khoán cầm cố, đồng thời công bố thông tin trên trang điện tử của công ty (đối với trường hợp bán chứng khoán

của khách hàng là người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ). Sau khi giao dịch được thực hiện, công ty chứng khoán thông báo về kết quả giao dịch cho khách hàng chậm nhất vào cuối ngày giao dịch để khách hàng thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo quy định pháp luật.

3. Ngoại trừ trường hợp khách hàng ủy thác đứng tên sở hữu, công ty quản lý quỹ, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng cho cổ đông lớn khi toàn bộ số cổ phiếu thuộc sở hữu của công ty quản lý quỹ, các quỹ đầu tư mà công ty đang quản lý và danh mục đầu tư của các khách hàng ủy thác hoặc khi số cổ phiếu thuộc sở hữu của chi nhánh tại Việt Nam, công ty mẹ và các khách hàng ủy thác (đối với chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài) đạt từ 5% trở lên tổng số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của một tổ chức phát hành hoặc sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng theo quy định tại Điều 26 Thông tư này và quy định pháp luật về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam.

4. Công ty quản lý quỹ, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin liên quan đến giao dịch chứng khoán thay cho khách hàng của mình khi đứng tên sở hữu tài sản ủy thác của khách hàng trong trường hợp khách hàng của mình thuộc đối tượng công bố thông tin. Trường hợp khách hàng đầu tư đứng tên sở hữu tài sản ủy thác, khách hàng có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin theo quy định pháp luật.

## **Chương VI**

### **CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA QUỸ ĐẠI CHÚNG, CÔNG TY ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN ĐẠI CHÚNG**

#### **Điều 21. Công bố thông tin định kỳ về quỹ đại chúng**

1. Công bố thông tin định kỳ của quỹ mở, bao gồm cả quỹ hoán đổi danh mục

a) Báo cáo tài chính

Công ty quản lý quỹ phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán, báo cáo tài chính bán niên đã được kiểm toán soát xét và báo cáo tài chính quý của quỹ. Nội dung báo cáo tài chính thực hiện theo quy định pháp luật về chế độ kế toán áp dụng cho quỹ có liên quan. Thời hạn nộp báo cáo tài chính thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 11 Thông tư này.

b) Báo cáo hoạt động đầu tư

Công ty quản lý quỹ phải báo cáo và công bố định kỳ hàng tháng, quý,

năm các báo cáo hoạt động đầu tư của quỹ theo quy định pháp luật về thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;

c) Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng

Công ty quản lý quỹ phải công bố định kỳ hàng tuần báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng của quỹ theo quy định pháp luật về thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;

d) Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ

Công ty quản lý quỹ phải công bố định kỳ Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ bán niên và hàng năm theo quy định pháp luật về thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

2. Công bố thông tin định kỳ của quỹ đóng

Công ty quản lý quỹ công bố định kỳ các báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động đầu tư, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng của quỹ đóng theo quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều này.

3. Công bố thông tin định kỳ của quỹ đầu tư bất động sản, công ty đầu tư chứng khoán bất động sản

Công ty quản lý quỹ công bố định kỳ các báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động đầu tư, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ của quỹ đầu tư bất động sản, công ty đầu tư chứng khoán bất động sản theo quy định tại điểm a, b, c, d khoản 1 Điều này.

4. Công ty quản lý quỹ thực hiện công bố thông tin liên quan tới Đại hội nhà đầu tư của quỹ đại chúng theo quy định áp dụng đối với Đại hội đồng cổ đông của công ty đại chúng tại khoản 3 Điều 8 Thông tư này.

5. Ngoài các quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều này, công ty quản lý quỹ phải tuân thủ các nghĩa vụ công bố thông tin khác của quỹ đầu tư chứng khoán theo quy định pháp luật về thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

6. Trừ các báo cáo tài chính theo quy định tại khoản 1 Điều này, thời hạn công bố các thông tin định kỳ khác của quỹ đại chúng như sau:

a) Đối với thông tin công bố định kỳ hàng tuần: là ngày làm việc đầu tiên của tuần kế tiếp. Trường hợp công bố thông tin báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng trong vòng 03 ngày làm việc sau ngày định giá;

b) Đối với thông tin công bố định kỳ hàng tháng: trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc tháng gần nhất;

c) Đối với thông tin công bố định kỳ hàng quý: trong vòng 20 ngày, kể từ ngày kết thúc quý gần nhất;

d) Đối với thông tin công bố định kỳ 06 tháng (bán niên): trong vòng 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng (bán niên) gần nhất;

đ) Đối với thông tin công bố định kỳ hàng năm: trong vòng 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm gần nhất.

## **Điều 22. Công bố thông tin bất thường về quỹ đại chúng**

1. Công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây đối với quỹ đại chúng:

- a) Được cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng;
- b) Được cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ, Quyết định điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ;
- c) Quyết định thay đổi vốn điều lệ của quỹ đóng;
- d) Bị đình chỉ, huỷ bỏ đợt chào bán chứng chỉ quỹ; quỹ đại chúng chào bán không thành công;
- đ) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch;
- e) Khi có quyết định khởi tố, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của quỹ đại chúng;
- g) Khi có thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ của quỹ đại chúng;

Trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ ngày công bố thông tin về việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ của quỹ đại chúng, công ty quản lý quỹ phải gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi chứng chỉ quỹ niêm yết Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư này;

h) Công bố về ngày đăng ký cuối cùng, ngày thực hiện quyền cho nhà đầu tư của quỹ;

i) Quyết định hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, gia hạn thời gian hoạt động, thanh lý tài sản của quỹ đại chúng;

k) Định giá sai giá trị tài sản ròng của quỹ đại chúng;

l) Thay đổi ngân hàng giám sát, công ty quản lý quỹ; thay đổi thành viên lập quỹ, tổ chức tạo lập thị trường (đối với quỹ ETF);

m) Điều chỉnh sai lệch của danh mục đầu tư của quỹ đại chúng;

n) Tạm ngừng giao dịch hoán đổi hoặc mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu vượt quá mức cho phép (đối với quỹ ETF);

o) Các trường hợp quy định tại điểm a, đ, g, p khoản 1 Điều 9 Thông tư này.

2. Công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin về Đại hội nhà đầu tư bất thường hoặc việc lấy ý kiến Đại hội nhà đầu tư bằng văn bản theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư này.

3. Công ty quản lý quỹ phải công bố các thông tin bất thường khác về quỹ

đại chúng theo quy định hướng dẫn về thành lập, tổ chức hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán của Bộ Tài chính.

4. Công ty quản lý quỹ khi công bố thông tin về các sự kiện quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân, kế hoạch và các giải pháp khắc phục (nếu có).

### **Điều 23. Công bố thông tin định kỳ về công ty đầu tư chứng khoán đại chúng**

#### 1. Báo cáo tài chính

Công ty quản lý quỹ phải công bố các báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán, báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính quý của công ty đầu tư chứng khoán theo quy định tại Điều 11 Thông tư này.

#### 2. Báo cáo hoạt động đầu tư

Công ty quản lý quỹ phải công bố định kỳ hàng tháng, quý, năm báo cáo hoạt động đầu tư của công ty đầu tư chứng khoán theo quy định pháp luật về thành lập và quản lý công ty đầu tư chứng khoán.

#### 3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng

Công ty quản lý quỹ phải công bố định kỳ hàng tuần báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng của công ty đầu tư chứng khoán theo quy định pháp luật về thành lập và quản lý công ty đầu tư chứng khoán.

#### 4. Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý công ty đầu tư chứng khoán đại chúng

Công ty quản lý quỹ phải công bố định kỳ bán niên, hàng năm báo cáo tổng kết hoạt động quản lý công ty đầu tư chứng khoán theo quy định pháp luật về thành lập và quản lý công ty đầu tư chứng khoán.

5. Công ty quản lý quỹ thực hiện công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư này.

6. Thời hạn công bố thông tin định kỳ của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 21 Thông tư này.

### **Điều 24. Công bố thông tin bất thường về công ty đầu tư chứng khoán đại chúng**

1. Công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây đối với công ty đầu tư chứng khoán đại chúng:

a) Quyết định chào bán, phát hành cổ phiếu của công ty đầu tư chứng

khoán đại chúng; được cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng, Giấy chứng nhận đăng ký phát hành thêm cổ phiếu; Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động của công ty;

b) Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ;

c) Bị đình chỉ, huỷ bỏ đợt chào bán cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

d) Quyết định hợp nhất, sáp nhập, giải thể, gia hạn thời gian hoạt động, thanh lý tài sản của công ty đầu tư chứng khoán; bị thu hồi giấy chứng nhận thành lập và hoạt động đối với công ty đầu tư chứng khoán;

đ) Định giá sai giá trị tài sản ròng của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

e) Sửa đổi điều lệ, bản cáo bạch công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

g) Tạm ngừng giao dịch cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán;

h) Thay đổi tên công ty; thay đổi công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát;

i) Điều chỉnh sai lệch của danh mục đầu tư của công ty;

k) Các sự kiện khác có thể gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng tài chính, hoạt động của công ty;

l) Các trường hợp quy định tại điểm a, đ, g, i, n, o, p khoản 1 Điều 9 Thông tư này.

2. Công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư này.

3. Công ty quản lý quỹ phải công bố các thông tin bất thường khác về công ty đầu tư chứng khoán đại chúng theo quy định về hướng dẫn thành lập, tổ chức hoạt động và quản lý công ty đầu tư chứng khoán của Bộ Tài chính.

### **Điều 25. Công bố thông tin theo yêu cầu về quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng**

1. Công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin liên quan tới quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán khi xảy ra các sự kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư này, và trong các trường hợp sau:

a) Có thay đổi bất thường về giá và khối lượng giao dịch chứng chỉ quỹ đóng, quỹ đầu tư bất động sản, quỹ ETF; cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

b) Các sự kiện khác theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở



giao dịch chứng khoán.

2. Công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi niêm yết quỹ, trong đó nêu rõ sự kiện được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán yêu cầu công bố, nguyên nhân, mức độ xác thực của sự kiện đó.

## Chương VII

### CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

**Điều 26. Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu, chứng chỉ quỹ của cổ đông lớn, nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng**

1. Tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của một công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng, nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng; hoặc khi không còn là cổ đông lớn, nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng cho công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, chứng chỉ quỹ đóng) theo Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư này trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn, nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng.

2. Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của một công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng hoặc nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng khi có sự tăng hoặc giảm tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng qua các ngưỡng 1% (kể cả trường hợp cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm...) phải công bố thông tin và báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, chứng chỉ quỹ đóng) và công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày có sự thay đổi trên theo Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư này.

*Vi dụ: nhà đầu tư A sở hữu 5,2% số lượng cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của tổ chức niêm yết X. Ngày T, ông A đặt lệnh giao dịch mua vào làm tăng tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu X từ 5,2% lên 5,7%. Tiếp sau đó, vào ngày T', ông A đặt lệnh mua tiếp làm tăng tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu X từ 5,7% lên 6,1%. Giao dịch tại ngày T' đã làm cho tỷ lệ sở hữu cổ phiếu X của ông A thay đổi vượt qua ngưỡng 6%, do vậy, trong vòng 07 ngày, kể từ ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch chứng khoán, ông A phải công bố thông tin và báo cáo công ty X, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán về việc thay đổi tỷ*

*lệ sở hữu cổ phiếu của mình.*

3. Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc nắm giữ từ 5% số lượng cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng qua các ngưỡng 1% nêu tại khoản 1, khoản 2 Điều này được tính kể từ thời điểm hoàn tất giao dịch chứng khoán theo quy định tại khoản 14 Điều 2 Thông tư này.

4. Quy định tại khoản 1, 2 Điều này không áp dụng đối với trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết phát sinh do công ty đại chúng giao dịch cổ phiếu quỹ hoặc phát hành thêm cổ phiếu.

5. Công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ công bố trên trang thông tin điện tử của công ty trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, chứng chỉ quỹ của các đối tượng được quy định tại Điều này.

### **Điều 27. Công bố thông tin về giao dịch của cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng**

1. Chậm nhất là 03 ngày làm việc trước khi thực hiện giao dịch, cổ đông sáng lập nắm giữ cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật về doanh nghiệp phải gửi báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch), Trung tâm lưu ký chứng khoán và công ty đại chúng về việc thực hiện giao dịch theo Phụ lục số 08 ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập, người thực hiện chuyển nhượng phải gửi bổ sung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua việc chuyển nhượng nêu trên.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, cổ đông sáng lập phải báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch), Trung tâm lưu ký chứng khoán và công ty đại chúng về kết quả thực hiện giao dịch đồng thời giải trình lý do không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo Phụ lục số 09 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của cổ đông sáng lập theo quy định tại Điều này, công ty đại chúng công bố trên trang thông tin điện tử của công ty .

### **Điều 28. Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ của công ty đại chúng, người nội bộ của quỹ đại chúng và người có liên quan của người nội bộ**

1. Trước ngày thực hiện giao dịch tối thiểu là 03 ngày làm việc, người nội bộ của công ty đại chúng, người nội bộ của quỹ đại chúng và người có liên quan

của các đối tượng này phải công bố thông tin và báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, chứng chỉ quỹ đại chúng), công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ về việc dự kiến giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng hoặc chứng chỉ quỹ, quyền mua chứng chỉ quỹ của quỹ đại chúng, kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua cổ phiếu, quyền mua chứng chỉ quỹ phát hành thêm, quyền mua trái phiếu chuyển đổi...) theo Phụ lục số 10 hoặc Phụ lục số 11 ban hành kèm theo Thông tư này. Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch và chỉ được bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên sau 24 giờ kể từ khi có công bố thông tin từ Sở giao dịch chứng khoán.

Người nội bộ của công ty đại chúng, người nội bộ của quỹ đại chúng và người có liên quan của các đối tượng này không được đồng thời đăng ký mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của công ty đại chúng hoặc chứng chỉ quỹ, quyền mua chứng chỉ quỹ của quỹ đại chúng trong cùng một đợt đăng ký và phải thực hiện giao dịch theo đúng thời gian và khối lượng đã đăng ký.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ của công ty đại chúng, người nội bộ quỹ đại chúng và người có liên quan của các đối tượng này phải báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, chứng chỉ quỹ đại chúng) và công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo Phụ lục số 12 hoặc Phụ lục số 13 ban hành kèm theo Thông tư này.

Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ chỉ được đăng ký và thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó.

3. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của công ty đại chúng, người nội bộ của quỹ đại chúng hoặc người có liên quan của các đối tượng này, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại khoản 1, 2 Điều này.

4. Trường hợp người nội bộ của công ty đại chúng, người nội bộ của quỹ đại chúng hoặc người có liên quan của các đối tượng này đồng thời là cổ đông lớn, nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ đại chúng thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.

5. Trường hợp công ty chứng khoán là người có liên quan của người nội bộ của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch hoặc là người có liên quan của người nội bộ của quỹ đại chúng niêm yết, khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch hoặc chứng chỉ quỹ niêm yết, công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch hoặc công ty quản lý quỹ trong vòng 24 giờ, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi.

6. Trường hợp công ty mẹ của công ty đại chúng hoặc các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội của công ty đại chúng (công đoàn, đoàn thanh niên...) thực hiện giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của công ty đại chúng phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như quy định đối với người nội bộ tại khoản 1, 2, 3 Điều này.

7. Trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi hoặc giao dịch chứng chỉ quỹ đóng, quyền mua chứng chỉ quỹ đóng của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ theo quy định tại Điều này, công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ phải công bố trên trang thông tin điện tử của công ty.

#### **Điều 29. Công bố thông tin về giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF lấy cổ phiếu cơ cấu**

1. Trong giao dịch hoán đổi, quỹ ETF được miễn trừ nghĩa vụ công bố thông tin của cổ đông lớn, người nội bộ và người có liên quan theo quy định tại Điều 26 và Điều 28 Thông tư này.

2. Trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch hoán đổi, nếu bên hoán đổi là người nội bộ của tổ chức niêm yết và người có liên quan của họ, thì phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin liên quan đến giao dịch của người nội bộ theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Thông tư này.

3. Trong vòng 07 ngày, kể từ ngày hoàn tất giao dịch hoán đổi, bên hoán đổi phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin liên quan đến việc thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu niêm yết, nếu thuộc trường hợp áp dụng đối với cổ đông lớn của tổ chức niêm yết theo quy định tại Điều 26 Thông tư này.

4. Trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch hoán đổi của người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn của công ty theo quy định tại khoản 2, 3 Điều này, tổ chức niêm yết phải công bố trên trang thông tin điện tử của công ty.

#### **Điều 30. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai**

Tổ chức, cá nhân chào mua công khai và công ty đại chúng bị chào mua phải thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn.

### **Điều 31. Công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu quỹ**

Trường hợp giao dịch cổ phiếu quỹ, công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.

Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính công ty, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

## **Chương VIII**

### **CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA TRUNG TÂM LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN**

#### **Điều 32. Nội dung công bố thông tin của Trung tâm lưu ký chứng khoán**

1. Trung tâm lưu ký chứng khoán thực hiện công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau:

a) Thông tin về việc cấp, thu hồi, điều chỉnh Giấy chứng nhận Thành viên Lưu ký, Chi nhánh Thành viên Lưu ký, thành viên bù trừ;

b) Thông tin về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán lần đầu và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán, cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán bổ sung; thông tin về việc hủy đăng ký chứng khoán;

c) Thông tin về bảo lưu mã chứng khoán trong nước;

d) Thông tin về việc cấp, hủy bỏ mã số giao dịch cho nhà đầu tư nước ngoài;

đ) Thông tin về việc thực hiện quyền của các chứng khoán đã đăng ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán;

e) Thông tin về các trường hợp chuyển nhượng ngoài hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận;

g) Thông tin về các hình thức xử lý vi phạm đối với thành viên lưu ký, thành viên bù trừ từ hình thức khiển trách trở lên;

h) Thông tin về thành viên bù trừ mất khả năng thanh toán, thông tin về tạm ngừng, đình chỉ, chấm dứt tư cách thành viên bù trừ;

i) Thông tin về việc xử lý các trường hợp mất khả năng thanh toán áp dụng các biện pháp bảo đảm thanh toán và cơ chế phòng ngừa rủi ro;

k) Thông tin về hệ thống thanh toán bù trừ gặp sự cố bất khả kháng;

l) Thông tin về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại công ty đại chúng, tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch; thông tin về số lượng cổ

phiếu nhà đầu tư nước ngoài còn được phép mua tại công ty đại chúng, tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch;

m) Công bố thông tin theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. Công bố thông tin trước 30 ngày khi thực hiện áp dụng, thay đổi giới hạn vị thế đối với thành viên bù trừ sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

3. Định kỳ hàng tháng, quý và năm, trong vòng 10 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo, Trung tâm lưu ký chứng khoán phải công bố các thông tin sau:

a) Số lượng tài khoản giao dịch của nhà đầu tư trong nước và nước ngoài;

b) Thông tin về việc cấp, hủy bỏ mã số giao dịch cho nhà đầu tư nước ngoài;

c) Thông tin về quản lý sử dụng quỹ bù trừ, quỹ dự phòng rủi ro thanh toán đối với giao dịch chứng khoán phái sinh.

d) Thông tin về việc quản lý và sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán.

4. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc năm, Trung tâm lưu ký chứng khoán phải công bố thông tin và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đồng thời gửi Sở giao dịch chứng khoán danh sách công ty đại chúng quy mô lớn.

5. Trong vòng 03 ngày kể từ khi trở thành thành viên hoặc không còn là thành viên của các tổ chức quốc tế về thị trường chứng khoán, tham gia ký kết các chương trình hành động, các cam kết quốc tế về phát triển thị trường chứng khoán, Trung tâm lưu ký chứng khoán có nghĩa vụ công bố thông tin về các hoạt động này.

## **Chương IX**

### **CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

**Điều 33. Thông tin về giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán**

1. Thông tin trong giờ giao dịch

a) Tổng số loại chứng khoán được phép giao dịch;

b) Giá tham chiếu, giá trần, giá sàn, giá mở cửa, đóng cửa của từng ngày giao dịch, giá thực hiện, giá dự kiến (trường hợp khớp lệnh định kỳ), mức và ký hiệu biến động giá của từng loại chứng khoán, giá bình quân của chứng khoán (đối với thị trường Upcom);

c) Ba mức giá chào mua, chào bán tốt nhất của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đầu tư, chứng khoán phái sinh kèm theo khối lượng đặt mua, bán tương ứng với

các mức giá đó;

d) Thông tin giao dịch của trái phiếu phân theo kỳ hạn còn lại, bao gồm: các kỳ hạn giao dịch, lợi suất, khối lượng và giá trị của giao dịch gần nhất, biến động lợi suất của giao dịch gần nhất so với giao dịch trước đó;

đ) Giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài.

## 2. Thông tin định kỳ trong ngày giao dịch

a) Tình trạng các loại chứng khoán; khối lượng mở (open interest) của từng loại chứng khoán phái sinh;

b) Tổng số loại chứng khoán được phép giao dịch trong ngày; thông tin về giá chứng khoán phái sinh có tháng đáo hạn gần nhất;

c) Chỉ số giá chứng khoán do Sở giao dịch chứng khoán xây dựng và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận; mức và biến động chỉ số so với ngày giao dịch trước đó;

d) Mức độ dao động giá cổ phiếu trong ngày giao dịch;

đ) Số lượng lệnh, khối lượng đặt mua/bán và giá trị tương ứng với mỗi loại chứng khoán;

e) Tổng khối lượng giao dịch toàn thị trường (theo phiên khớp lệnh; ngày giao dịch);

g) Giá, khối lượng và giá trị giao dịch của từng loại chứng khoán:

- Khớp lệnh (theo từng phiên khớp lệnh và ngày giao dịch đối với khớp lệnh định kỳ và theo ngày giao dịch đối với trường hợp khớp lệnh liên tục);

- Thỏa thuận (nếu có): Thời điểm, loại thông tin giao dịch công bố thực hiện theo Quy chế của Sở giao dịch chứng khoán.

- Giao dịch mua, bán lại cổ phiếu của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch (nếu có).

h) Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của nhà đầu tư nước ngoài và giới hạn còn được mua đối với từng loại chứng khoán;

i) Thông tin giao dịch (giá, khối lượng giao dịch, tỷ trọng giao dịch so với toàn thị trường, mức độ, tỷ lệ thay đổi giá, khối lượng giao dịch) về 10 cổ phiếu có khối lượng giao dịch lớn nhất và 10 cổ phiếu biến động giá lớn nhất so với ngày giao dịch gần nhất;

k) Thông tin giao dịch (giá, khối lượng giao dịch, tỷ trọng giao dịch so với toàn thị trường; mức độ, tỷ lệ thay đổi giá và khối lượng giao dịch) của 10 cổ phiếu có giá trị niêm yết lớn nhất và 10 cổ phiếu có giá thị trường lớn nhất;

l) Thông tin giao dịch (giá, khối lượng giao dịch, tỷ trọng giao dịch so với toàn thị trường; mức độ, tỷ lệ thay đổi giá và khối lượng giao dịch) về trái phiếu bao gồm loại trái phiếu, lãi suất, thời gian đáo hạn, giá thực hiện, lợi suất hiện

hành, lợi suất đáo hạn;

m) Số lượng cổ phiếu đang lưu hành của các cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch;

n) Công bố thông tin theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

3. Công bố thông tin trong vòng 30 ngày trước khi thực hiện niêm yết mới, niêm yết thay thế loại chứng khoán phái sinh:

a) Mẫu hợp đồng, các điều khoản của hợp đồng chứng khoán phái sinh được niêm yết mới sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận;

b) Hủy niêm yết, niêm yết thay thế hợp đồng chứng khoán phái sinh trên Sở giao dịch chứng khoán;

**Điều 34. Thông tin về tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán; công ty chứng khoán là thành viên, thành viên giao dịch phái sinh, thành viên tạo lập thị trường phái sinh; công ty quản lý quỹ có quản lý quỹ niêm yết, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng**

1. Thông tin về tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch

a) Thông tin chung về hoạt động niêm yết, đăng ký giao dịch:

- Thông tin về niêm yết, đăng ký giao dịch lần đầu, ngày giao dịch đầu tiên;

- Thông tin về huỷ niêm yết, đăng ký giao dịch;

- Thông tin về thay đổi niêm yết, đăng ký giao dịch;

- Thông tin về niêm yết, đăng ký giao dịch lại;

- Thông tin về xử lý vi phạm đối với tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch theo quy chế niêm yết, đăng ký giao dịch;

- Thông tin về chứng khoán không được giao dịch ký quỹ;

- Thông tin về chứng khoán bị hạn chế giao dịch;

- Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài của công ty đại chúng, tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch.

b) Các thông tin định kỳ, bất thường và theo yêu cầu mà tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện công bố thông tin thông qua phương tiện công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán.

2. Thông tin về công ty chứng khoán là thành viên, thành viên giao dịch chứng khoán phái sinh, thành viên tạo lập thị trường phái sinh tại Sở giao dịch chứng khoán

a) Thông tin chung về thành viên:

- Thông tin về chấp thuận thành viên, thành viên giao dịch phái sinh, lựa chọn thành viên tạo lập thị trường phái sinh;



- Thông tin về xử lý vi phạm thành viên, thành viên giao dịch phái sinh, thành viên tạo lập thị trường phái sinh, đại diện giao dịch theo quy chế thành viên giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán;

- Thông tin về chấm dứt tư cách thành viên, thành viên giao dịch phái sinh, chấm dứt hợp đồng tạo lập thị trường của thành viên tạo lập thị trường phái sinh;

- Thông tin về giá trị giao dịch môi giới của 10 thành viên có thị phần lớn nhất theo quý, bán niên và năm;

- Các thông tin khác;

b) Các thông tin định kỳ, bất thường và theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc Sở giao dịch chứng khoán mà công ty chứng khoán thành viên, thành viên giao dịch phái sinh, thành viên tạo lập thị trường phái sinh thực hiện công bố thông tin thông qua phương tiện công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán.

3. Thông tin về công ty quản lý quỹ có quản lý quỹ đại chúng niêm yết, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng

a) Thông tin chung về công ty quản lý quỹ có quản lý quỹ niêm yết, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng:

- Thông tin về số lượng công ty quản lý quỹ có quản lý quỹ niêm yết, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

- Thông tin về số lượng quỹ đầu tư chứng khoán niêm yết, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng mà công ty quản lý quỹ quản lý;

- Thông tin về xử lý vi phạm đối với quỹ niêm yết, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng theo quy chế niêm yết/công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán;

- Các thông tin khác;

b) Các thông tin định kỳ, bất thường và theo yêu cầu liên quan đến quỹ niêm yết, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng mà công ty quản lý quỹ thực hiện công bố thông tin thông qua phương tiện công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán.

4. Sở giao dịch chứng khoán phải công bố thông tin theo quy định tại Điều 33, 34 Thông tư này ngay sau khi xảy ra sự kiện hoặc sau khi nhận được báo cáo, thông báo, hồ sơ công bố thông tin đầy đủ và hợp lệ của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch, công ty chứng khoán thành viên, công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

**Điều 35. Thông tin về giám sát thị trường chứng khoán, thị trường chứng khoán phái sinh và thông tin về hoạt động của Sở giao dịch chứng khoán**

1. Thông tin giám sát thị trường chứng khoán, thị trường chứng khoán phái sinh bao gồm:

a) Thông tin về tạm ngừng giao dịch hoặc cho phép giao dịch trở lại đối với chứng khoán niêm yết, chứng khoán phái sinh niêm yết;

b) Thông tin về chứng khoán bị cảnh báo, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt hoặc không còn bị cảnh báo, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt;

c) Thông tin về thay đổi biên độ dao động giá, hạn chế mở vị thế mới, áp dụng giới hạn lệnh, giới hạn lệnh tích lũy;

d) Thông tin về việc hủy bỏ hoặc sửa đổi mẫu, các điều khoản hợp đồng chứng khoán phái sinh sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận;

đ) Thông tin về giao dịch của cổ đông lớn, giao dịch của cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng, giao dịch của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ, giao dịch chào mua công khai, giao dịch cổ phiếu quỹ của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch;

e) Thông tin về việc vi phạm quy định công bố thông tin của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch, công ty chứng khoán thành viên, công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng, thành viên giao dịch phái sinh, thành viên tạo lập thị trường phái sinh, thành viên bù trừ;

g) Thông tin về xử lý vi phạm các quy định pháp luật về hoạt động thị trường chứng khoán, thị trường chứng khoán phái sinh theo các quy chế của Sở giao dịch chứng khoán;

h) Các hướng dẫn, thông báo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán về quản lý, giám sát thị trường theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán.

2. Thông tin về hoạt động của Sở giao dịch chứng khoán:

Trong vòng 03 ngày kể từ khi trở thành thành viên hoặc không còn là thành viên của các tổ chức quốc tế về thị trường chứng khoán, tham gia ký kết các chương trình hành động, các cam kết quốc tế về phát triển thị trường chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán có nghĩa vụ công bố thông tin về các hoạt động này.

## **Chương X**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 36. Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 và thay thế Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 4 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

## **Điều 37. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm lưu ký chứng khoán và các đối tượng công bố thông tin khác chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này.

2. Sở giao dịch chứng khoán chịu trách nhiệm hướng dẫn chi tiết cách thức công bố thông tin áp dụng cho các đối tượng công bố thông tin phù hợp với các quy định tại Thông tư này và hệ thống công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán. / *Ban*

### **Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Ban chỉ đạo TW về phòng chống tham nhũng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Viện Kiểm sát NDTC; Toà án NDTC;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Công báo; Website Chính phủ;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, UBCK.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Trần Xuân Hà**

